

Quản lý nhà nước đối với các đơn vị cung ứng dịch vụ truyền hình trả tiền ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và khuyến nghị

Nguyễn Đình Hương*, Phạm Hoài Nam

Thị trường truyền hình trả tiền bản chất là một loại thị trường dịch vụ, được ví như là “Con gà đẻ trứng vàng”. Hiện nay ngày càng nhiều đơn vị tham gia vào loại hình cung ứng dịch vụ này. Tuy nhiên, những cơ chế chính sách mà Nhà nước ban hành để phát triển thị trường này còn nhiều bất cập. Để tháo gỡ những bất cập này, bài viết đề xuất việc thành lập trung tâm bảo vệ bản quyền chương trình và xây dựng quy định cho phép các kênh truyền hình tiếng Việt được xuất khẩu.

Từ khóa: Quản lý nhà nước, dịch vụ thị trường truyền hình trả tiền.

1. Đặt vấn đề

Thị trường truyền hình trả tiền bản chất là một loại thị trường dịch vụ, được ví như là “Con gà đẻ trứng vàng”. Đây là một ngành kinh doanh dịch vụ trí tuệ, cao cấp, sạch sẽ và mang lại lợi nhuận cao nên là mục tiêu kinh doanh của nhiều đơn vị có tài chính, có tiềm lực và có tầm nhìn ở các thành phần kinh tế khác nhau. Trước đây, việc cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền chỉ được thực hiện bởi các Đài truyền hình lớn như Đài truyền hình Việt Nam, Đài PTTH Hà Nội, Đài truyền hình TP HCM. Với sự phát triển của khoa học công nghệ, loại hình truyền hình DTH được phát sóng trực tiếp qua vệ tinh, không cần xây dựng các trạm phát trung chuyển như đối với truyền hình kỹ thuật số mặt đất nên truyền tải tín hiệu chất lượng cao, có thể phủ sóng toàn quốc, không bị giới hạn bởi khoảng cách địa lý. Điều này làm cho nhu cầu sử dụng dịch vụ của khách hàng tăng lên. Chính vì thế, đến nay có nhiều đơn vị tham gia cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền: các đài truyền hình ở địa phương, các công ty điện lực hay kể cả các công ty tư nhân hợp tác với các đơn vị có chức năng hoạt động trong lĩnh vực truyền hình trả tiền. Các hình thức cạnh tranh giữa các đơn vị cung ứng dịch vụ truyền hình trả tiền vì thế trở nên đa dạng, phong phú hơn. Các đơn vị cạnh tranh với nhau không chỉ thông qua mua bản quyền các chương trình nổi tiếng thế giới, các kênh truyền hình hấp dẫn, các chương trình đặc biệt ăn khách, mà còn cạnh tranh bằng việc đầu tư nội dung các chương trình, mở rộng liên doanh liên kết phát

triển mạng lưới phân phối, cũng như cạnh tranh về giá cả và chất lượng dịch vụ cung cấp.

Trong bối cảnh cạnh tranh giành giật của nhiều đơn vị kinh doanh truyền hình trả tiền mang tính chộp giật, ngắn hạn, chỉ tập trung đầu tư tại các khu vực thành thị, đông dân cư dẫn đến các khu đô thị, thành phố “bội thực” về truyền hình trả tiền, các khu vực khác thì nhu cầu về truyền hình trả tiền rất lớn nhưng không được cung cấp. Tình trạng này làm lãng phí đầu tư tiền của Nhà nước, của xã hội mà không đạt được đúng mục tiêu cung cấp ngày càng tốt hơn nhu cầu truyền hình của đông đảo nhân dân trên cả nước. Ngoài ra, nhiều đơn vị kinh doanh truyền hình trả tiền tư nhân đã hình thành, nhiều kênh truyền hình nước ngoài không được chọn lọc, không có bản quyền hợp pháp và đặc biệt là không phù hợp với văn hoá Việt Nam vẫn công khai cung cấp cho người dân mà thiếu sự quản lý và kiểm duyệt chặt chẽ của các đơn vị quản lý Nhà nước sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến xu hướng xem truyền hình của người dân. Mặt khác, khi Việt Nam đã hội nhập thế giới một cách toàn diện, thị trường truyền hình trả tiền là một thị trường tiềm năng, béo bở cho các nhà đầu tư nước ngoài. Khi đó nguy cơ mất thị trường vào các đơn vị cạnh tranh có vốn đầu tư nước ngoài đã lớn, nguy cơ mất kiểm soát về thị trường truyền hình trả tiền, một thị trường hoạt động báo chí là điều còn lớn và nguy hiểm hơn rất nhiều. Chính vì vậy, bài viết phân tích những thành tựu, bất cập và khuyến nghị một số giải pháp về quản lý nhà nước đối với các đơn vị cung ứng dịch vụ truyền

hình trả tiền ở Việt Nam hiện nay.

2. Thực trạng quản lý thị trường truyền hình trả tiền ở Việt Nam hiện nay

Truyền hình trả tiền là một lĩnh vực kinh doanh có điều kiện, ở đây là Giấy phép hoạt động truyền hình trả tiền. Cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp và thực hiện cấp phép đối với lĩnh vực THTT là Cục Quản lý phát thanh truyền hình và thông tin điện tử-Bộ Thông tin và Truyền thông, có sự phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và UBND tỉnh, TP trực thuộc trung ương nơi xin cấp phép. Hoạt động quản lý của nhà nước với hoạt động truyền hình trả tiền được tóm tắt trong bảng 1.

Bảng 1 cho thấy, Nhà nước tiến hành quản lý đối với các đơn vị thực hiện cung ứng dịch vụ truyền hình trả tiền Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg ngày 24/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ trên 7 nội dung. Trong đó đặc biệt chú ý đến:

Thứ nhất, đối với cung cấp dịch vụ THTT (bao gồm: truyền hình cáp, truyền hình mặt đất kỹ thuật số, truyền hình trực tiếp qua vệ tinh, truyền hình di động): Để được cấp phép cung cấp dịch vụ THTT, nhà cung cấp phải hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp của Việt Nam (đối với đầu tư nước ngoài, phải được Thủ tướng chấp thuận về chủ trương theo các quy định về lĩnh vực đầu tư có điều

kiện áp dụng cho nhà đầu tư nước ngoài), phải có giấy phép thiết lập mạng viễn thông đáp ứng yêu cầu kỹ thuật THTT hoặc có thỏa thuận bảo đảm được thuê, sử dụng hạ tầng mạng viễn thông của doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng khác. Ngoài điều kiện pháp lý, doanh nghiệp phải có: (i) dự toán chi phí hoạt động ít nhất trong 02 năm và văn bản chứng minh nguồn tài chính hợp pháp đáp ứng yêu cầu dự toán; (ii) có phương án thiết lập trung tâm thu phát tất cả các kênh chương trình THTT tập trung tại một địa điểm; (iii) phương án áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại và phương án quản lý thuê bao, kinh doanh dịch vụ khả thi, phù hợp quy định của luật pháp; (iv) phương án xử lý sự cố về kỹ thuật kịp thời đảm bảo chất lượng dịch vụ; (v) phương án bảo đảm nguồn nhân lực và trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh thông tin đối với trung tâm thu phát tín hiệu và dịch vụ THTT; (vi) phù hợp với các quy hoạch phát triển trong lĩnh vực truyền hình. Giấy phép có thời hạn 10 năm, và sau 01 năm được cấp phép, nhà cung cấp không triển khai dịch vụ thì giấy phép không còn giá trị.

Khi tiến hành cung cấp dịch vụ, các đơn vị tiến hành cung ứng các (i) gói dịch vụ cơ bản với mức giá thấp nhất phải bao gồm các kênh chương trình quảng bá phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu; (ii) gói dịch vụ nâng cao với

Bảng 1: Quản lý nhà nước đối với hoạt động truyền hình trả tiền ở Việt Nam hiện nay

STT	Hoạt động THTT	Quản lý nhà nước	Ghi chú
1	Thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Đăng ký	
2	Cung cấp nội dung trên THTT (cung cấp chương trình, kênh chương trình cho các đơn vị cung cấp dịch vụ THTT)	Cấp phép	Phải là đơn vị đã có giấy phép hoạt động báo chí trong lĩnh vực truyền hình (báo hình)
3	Sản xuất kênh chương trình THTT	Cấp phép	Phải là cơ quan báo chí đã có giấy phép hoạt động báo hình
4	Cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên THTT	Đăng ký	Phải thông qua đại lý được uỷ quyền tại Việt Nam. Phải được biên tập, biên dịch; không bao gồm quảng cáo từ nước ngoài.
5	Biên tập, biên dịch kênh chương trình nước ngoài trên THTT	Cấp phép	Là cơ quan báo chí đã có giấy phép hoạt động báo hình
6	Cung cấp dịch vụ THTT (bao gồm: truyền hình cáp, truyền hình mặt đất kỹ thuật số, truyền hình trực tiếp qua vệ tinh, truyền hình di động)	Cấp phép Báo cáo định kỳ 6 tháng 1 lần và đột xuất theo yêu cầu	Là các doanh nghiệp Việt Nam. Các doanh nghiệp có vốn ĐTNN phải được sự chấp thuận về chủ trương của Thủ Tướng
7	Cung cấp hạ tầng mạng THTT	Cấp phép	Theo quy định của pháp luật đối với việc cấp phép thiết lập mạng viễn thông

Nguồn: Thủ tướng Chính phủ (2011)

mức phí khác nhau tùy theo nhu cầu của thuê bao. Các nhà cung cấp dịch vụ THTT phải công bố chất lượng dịch vụ, khắc phục sự cố, chịu thanh tra, kiểm tra, được chủ động lựa chọn các kênh chương trình THTT hợp pháp không thuộc danh mục kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền. Thuê bao THTT được bảo đảm bí mật thông tin riêng, không được cung cấp lại hoặc bán lại dịch vụ THTT dưới mọi hình thức.

Thứ hai, đối với cung cấp nội dung trên THTT (cung cấp chương trình, kênh chương trình cho các đơn vị cung cấp dịch vụ THTT): các chương trình trong nước phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu được tiếp phát nguyên vẹn trên truyền hình trả tiền tại lãnh thổ Việt Nam không cần thỏa thuận về bản quyền; các kênh chương trình và chương trình còn lại phải có văn bản chứng minh bản quyền hợp pháp, trừ trường hợp cài đặt logo của đơn vị cung cấp dịch vụ THTT hoặc xử lý nội dung vi phạm. Đối với quảng cáo và thông tin tin nhắn trên THTT phải tuân theo pháp luật Việt Nam về báo chí và quảng cáo.

Thứ ba, đối với cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên THTT: Quyết định số 20/20U/QĐ-TTg ngày 24/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ khẳng định Các đại lý ủy quyền cung cấp các kênh truyền hình nước ngoài trên THTT tại Việt Nam phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý chức năng. Các kênh nước ngoài trên THTT không được kèm thông tin quảng cáo được cài đặt sẵn từ nước ngoài, hoạt động quảng cáo nếu có phải được thực hiện ở Việt Nam, tuân thủ pháp luật về quảng cáo và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định thông qua đại lý ủy quyền.

Thứ tư, Cung cấp hạ tầng mạng THTT. Định

hướng phát triển mạng truyền hình cáp có khả năng truyền tải các tín hiệu truyền hình, viễn thông, Internet trên cùng một hạ tầng thống nhất, phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ và dịch vụ; ngừng phát triển thêm thuê bao MMDS trên băng tần 2,5-2,69 GHz; thúc đẩy phát triển nhanh truyền hình qua mạng di động và Internet; xây dựng bộ tiêu chuẩn truyền hình số mặt đất theo tiêu chuẩn châu Âu; áp dụng công nghệ di động băng rộng (IMT-2000), công nghệ truyền hình Internet (IPTV) và truyền hình có độ phân giải cao (HDTV). Các đơn vị, doanh nghiệp được cấp phép thiết lập và khai thác hệ thống truyền dẫn, truyền hình phải đảm bảo hệ thống của mình được thiết kế, lắp đặt phù hợp các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để bảo đảm chất lượng dịch vụ và không gây can nhiễu cho các hệ thống thông tin khác

3. Tác động của chính sách quản lý thị trường truyền hình đến hoạt động cạnh tranh trên thị trường và một số khuyến nghị

Nhìn chung, các thể chế, chính sách, quy định điều tiết thị trường THTT có tính hợp lý và không gây cản trở cạnh tranh quá nhiều. Tạo điều kiện để các đơn vị cung ứng dịch vụ THTT phát triển. Nếu ở năm 2007 tổng số thuê bao của loại hình truyền hình này chỉ là 1200 thì số thuê bao ở năm 2009 đã tăng lên ba lần và tiếp tục tăng trưởng ở các năm tiếp theo.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động của thị trường cũng đang đặt ra các yêu cầu đối với phương thức quản lý của Nhà nước như: (i) *Thiếu các chính sách thúc đẩy phát triển của truyền hình trả tiền theo hướng thị trường.* Việc quản lý hoạt động truyền hình trả tiền hiện nay vẫn căn cứ theo các

Bảng 2: Tổng hợp tình hình khách hàng và thị phần truyền hình trả tiền của Đài THVN giai đoạn 2007-2009

Đơn vị: 1000 Thuê bao

		Thời gian		
		2007	2008	2009
Tổng khách hàng đang sử dụng truyền hình trả tiền trên thị trường Việt Nam		1.210	1.864	3.785
<i>Tăng trưởng hàng năm</i>		<i>213%</i>	<i>154%</i>	<i>182%</i>
1	KH của Đài THVN	510	756	1.500
2	Đài TH TP HCM	220	380	750
3	Đài PTTH Hà Nội	85	80	75
4	VTC	270	450	850
5	Các đơn vị khác	125	198	460

Nguồn: Đài Truyền hình Việt Nam (2011).

quy định của pháp luật về báo chí, chú trọng chủ yếu đến khía cạnh nội dung thông tin mà chưa xây dựng được các chính sách thúc đẩy phát triển khía cạnh dịch vụ của truyền hình trả tiền theo hướng thị trường, đặc biệt là thị trường hội nhập; (ii) *Chính sách cấp phép truyền hình trả tiền theo địa bàn hành chính tỉnh, thành phố không còn phù hợp* Truyền hình trả tiền, đặc biệt là truyền hình cáp trên cả nước đang phát triển khá mạnh mẽ, không có sự liên thông tốt và tập trung chủ yếu ở các khu đô thị lớn, những khu vực đông dân cư. Do phát triển theo địa bàn hành chính, nên hệ thống truyền hình cáp chưa kết hợp được sức mạnh tổng hợp về nội dung chương trình. Công nghệ kỹ thuật và dịch vụ, gây lãng phí về nhân lực và nguồn tài chính. Cần thiết phải xây dựng được các đơn vị cung cấp dịch vụ truyền hình cáp mạnh về mọi mặt được phép cung cấp dịch vụ trên địa bàn rộng để nâng cao chất lượng dịch vụ truyền hình cáp. Chính sách cấp phép hoạt động truyền hình cáp theo địa bàn hành chính tỉnh, thành phố như hiện nay không khuyến khích sự phát triển của truyền hình cáp nói riêng và truyền hình trả tiền nói chung; (iii) chưa xử lý nghiêm đối với những trường hợp thu phát sóng mà không được phép của đơn vị trực tiếp phát sóng; (iv) chưa tạo động lực để các đơn vị thực hiện hợp tác với các đơn

vị truyền hình ngoài nước nhằm mở rộng thị phần và thị trường của lĩnh vực kinh doanh này...

4. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước đối với dịch vụ truyền hình trả tiền trong những năm tới

- Cần thiết phải thành lập trung tâm bảo vệ bản quyền chương trình. Trung tâm này bao gồm các chuyên gia về Luật, các chuyên viên chương trình, Trung tâm có nhiệm vụ kiểm tra, xử lý và đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm bản quyền, từ đó buộc các đơn vị phải nghiêm túc thực thi Luật Bản quyền chương trình hoặc là ngừng phát sóng, nộp phạt theo quy định hoặc phải mua bản quyền chương trình để đảm bảo sự phát triển công bằng cho các đơn vị tham gia cung ứng dịch vụ này.

- Để đảm bảo hiệu quả trong việc đưa các kênh truyền hình trả tiền tiếng Việt ra nước ngoài, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và mang lại một nguồn doanh thu đáng kể cho ngành truyền hình trả tiền của Việt Nam thì đối với các nhà quản lý cần xây dựng quy định cho phép các kênh truyền hình tiếng Việt được phép xuất khẩu, trong đó quy định rõ về chuyên đề kênh, nội dung kênh, và đơn vị chịu trách nhiệm, giám sát mọi nội dung thông tin phát sóng trên các kênh đó.

Tài liệu tham khảo:

Đài Truyền hình Việt Nam (2011), Báo cáo tổng kết hoạt động truyền hình trả tiền.

Thủ tướng Chính phủ (2011), Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 03 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành *Quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền*.

State management on Pay-TV service enterprises: facts and recommendations

Abstract:

Pay TV market is a service market. Today, more and more enterprises are participating in providing the Pay TV service. However, the regulation and policy for the development of the service is still insufficient. This paper analyzes the current situation of the state management on payment TV services in Vietnam to point out achievements and limitations as well as suggest measures to promote the industry.

Thông tin tác giả:

*** Nguyễn Đình Hương, GS.TS**

- Nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Lĩnh vực chuyên sâu: các chính sách vĩ mô và tư vấn doanh nghiệp.

**** Phạm Hoài Nam, Thạc sĩ, nghiên cứu sinh Đại học Kinh tế quốc dân;**

- Cơ quan công tác: Đài truyền hình Việt Nam.

E mail: hoainam@vtv.gov.vn